

Số: 2621/2021/QĐST-HNGĐ

TP. TĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. TĐ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1012/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông HCT – sinh năm: 1965 - Thường trú: Số 70/11 đường L XO, phường TNPA, TP. TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà NTTT– sinh năm: 1958 - Thường trú: Số 70/11 đường L XO, phường TNPA, TP. TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh - Trú tại: Chung cư SGGW, Số 702 Xa lộ Hà Nội, phường HP, TP. TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16/12/2021, ông HCT và bà NTTT đã thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16/12/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông HCT và bà NTTT thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông HCT và bà NTTT cùng tự khai giữa ông T và bà T có 01 con chung tên HTH (giới tính nữ, sinh năm 1989), đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông HCT và bà NTTTcùng tự khai không có.

Ngoài ra, ông HCT và bà NTTTkhông còn bất kỳ yêu cầu nào khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông HCT và bà NTTTcùng chịu, bà Thúy có Đơn xin miễn lệ phí Tòa án, ông T được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông T đã nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2019/0047949 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông HCT đã nộp đủ tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2005 do Ủy ban nhân dân phường TNPA, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/9/2005 không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- CCTHADS TP.Thủ Đức;
- UBND P.TNPA, TP.Thủ Đức;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lưu Hải Quỳnh Anh